

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101264520 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/06/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số 0101264520 ngày 20/12/2013)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng.....năm.....)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà CT1, số 583 Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 04.22131580 Fax: 04.35527987;

2 - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Trụ sở : Tầng 2 – 71 Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại : 04.3773 7070 Fax: 04.3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ & tên : Nguyễn Bích Liên

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : 04.22131576

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số 0101264520 ngày 20/12/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng dự kiến phát hành	9.193.536 cổ phiếu
Trong đó:	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	2.270.161 cổ phiếu
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu	6.923.375 cổ phiếu
Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá)	91.935.360.000 VNĐ

TỔ CHỨC TƯ VẤN**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT****Trụ sở chính**

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171

Fax: 04.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Ben Thanh Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 6 290 8686

Fax: 08. 6 291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.38241190

Fax: 04.38253973

Website: <http://www.aasc.com.vn>

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1.	Rủi ro kinh tế.....	4
2.	Rủi ro luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù ngành.....	6
4.	Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu	7
5.	Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	7
6.	Rủi ro khác.....	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
	Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam - VNPD	9
	Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM	9
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	10
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	13
3.	Cơ cấu quản lý Công ty.....	15
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ và người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông	17
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán, những công ty mà tổ chức đăng ký chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký chào bán	19
6.	Quá trình tăng vốn	19
7.	Hoạt động kinh doanh.....	20
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất	24
9.	Vị thế Công ty trong ngành	26
10.	Chính sách với người lao động	27
11.	Chính sách cổ tức	29
12.	Tình hình tài chính	30
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	34
14.	Tài sản.....	49
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015.....	50
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức	52
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	52
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký chào bán	53
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	53
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	53
1.	Loại cổ phiếu.....	53
2.	Mệnh giá	53
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành	53
4.	Giá chào bán dự kiến	53
5.	Phương pháp tính giá.....	53
6.	Phương thức phân phối.....	54
7.	Thời gian chào bán và phân phối.....	55
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	56



9.	<i>Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....</i>	<i>56</i>
10.	<i>Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....</i>	<i>56</i>
11.	<i>Các loại thuế có liên quan.....</i>	<i>56</i>
12.	<i>Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....</i>	<i>57</i>
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	57
1.	<i>Mục đích chào bán.....</i>	<i>57</i>
2.	<i>Phương án khả thi.....</i>	<i>57</i>
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	60
1.	<i>Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....</i>	<i>60</i>
2.	<i>Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn:.....</i>	<i>60</i>
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN	60
IX.	PHỤ LỤC.....	61
1.	<i>Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....</i>	<i>61</i>
2.	<i>Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.....</i>	<i>61</i>
3.	<i>Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014, Báo cáo tài chính Quý I/2015.....</i>	<i>62</i>
4.	<i>Phụ lục V: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS.....</i>	<i>62</i>

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. *Rủi ro kinh tế*

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Cùng với những diễn biến phức tạp của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ năm 2008 - 2009, mức tăng trưởng GDP của Việt Nam có xu hướng chậm lại bắt đầu từ năm 2008 và chỉ đạt 5,03% trong năm 2012, thấp hơn nhiều so với những dự đoán đưa ra ở giai đoạn trước đó. Hoạt động của nhiều doanh nghiệp bị trì trệ, kéo theo sự sụt giảm của thị trường chứng khoán, sự đóng băng của thị trường bất động sản khiến nền kinh tế trải qua một giai đoạn ảm đạm. Kết thúc năm 2013, GDP tăng trưởng 5,42%, lạm phát được kiểm chế ở mức 6,04% và nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. Bước sang năm 2014, kinh tế thế giới phát triển theo hướng đẩy nhanh tăng trưởng toàn cầu tại các nền kinh tế lớn với hàng loạt các biện pháp mạnh được thực thi. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó Quý I tăng 5,06%; Quý II tăng 5,34%; Quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm.

Chính sách tiền tệ

Trước tình hình kinh tế vĩ mô khó khăn, trong năm 2013, NHNN cũng đưa ra nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tiêu biểu như điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất trong đó giảm 2% lãi suất điều hành, giảm 3% trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên, giảm 0,5-1% trần lãi suất tiền gửi bằng VNĐ và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quan hệ vay vốn giữa doanh nghiệp với tổ chức tín dụng.

Lạm phát đã được kiểm chế, diễn biến theo xu hướng giảm và khá ổn định. Nếu lạm phát của năm 2012 là 6,81% thì lạm phát của năm 2013 chỉ ở mức 6,04% - mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Chính sách lãi suất được điều hành phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, đặc biệt là diễn biến của lạm phát. Trong năm 2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để điều tiết tiền tệ phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đảm bảo thanh khoản của tổ chức tín dụng (TCTD) và nền kinh tế:

Lượng tiền cung ứng được điều hành hợp lý giữa các kênh, đảm bảo kiểm soát tiền tệ phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát trong điều kiện NHNN mua được một lượng lớn ngoại tệ để tăng Dự trữ ngoại hối Nhà nước. Đến ngày 19/12/2014, tổng phương tiện thanh toán tăng 15,65% so với cuối năm 2013, phù hợp với chỉ tiêu định hướng 14-16% đề ra từ đầu năm. Huy động vốn tăng 15,15%, trong đó huy động vốn bằng VND tăng khá cao 16,31% so với cuối năm 2013. Thanh khoản của các TCTD được đảm bảo và dư thừa, lãi suất trên thị trường nội tệ liên ngân hàng ổn định ở mức thấp.

Mặt bằng lãi suất giảm 1,5-2%/năm so với cuối năm 2013, tiếp tục hỗ trợ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Trong đó, mặt bằng lãi suất huy động giảm 1,5-2%/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 2%/năm, đưa mặt bằng lãi suất thấp hơn mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006. Lãi suất của các khoản vay cũ tiếp tục được các TCTD tích cực điều chỉnh giảm; dư nợ cho vay bằng VND có lãi suất trên 15%/năm chiếm khoảng 3,9% tổng dư nợ cho vay VND, giảm so với tỷ trọng 6,3% cuối năm 2013; dư nợ có lãi suất trên 13%/năm chiếm 10,65%, giảm so với tỷ trọng 19,72% cuối năm 2013. Đường cong lãi suất hình thành rõ nét, qua đó tạo điều kiện cho các TCTD huy động được nguồn vốn kỳ hạn dài và ổn định hơn, giảm chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ và giúp cho việc phân bổ vốn hiệu quả trong nền kinh tế.

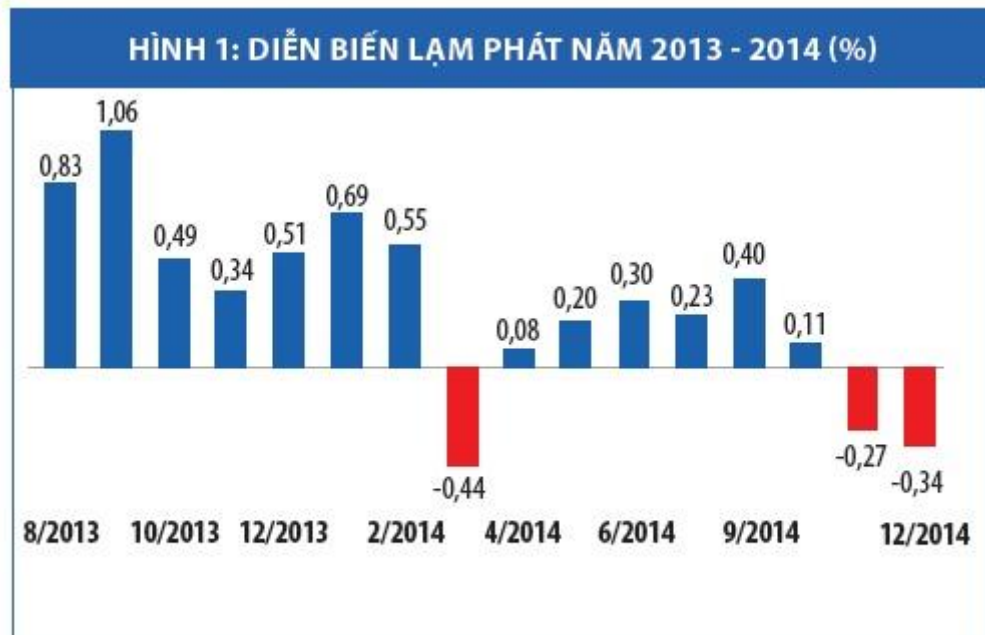
Tăng trưởng tín dụng năm 2014 dự kiến đạt chỉ tiêu định hướng 12-14% đề ra từ đầu năm; trong đó đến ngày 19/12/2014 tín dụng đã tăng 11,8% so với cuối năm 2013. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Các chương trình, chính sách tín dụng ngành, lĩnh vực đã được hệ thống ngân hàng triển khai kịp thời, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Tỷ giá và thị trường ngoại hối về cơ bản ổn định, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân đều được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, niềm tin vào VND được củng cố, nhờ đó NHNN tiếp tục mua được ngoại tệ để bổ sung Dự trữ ngoại hối Nhà nước lên mức kỷ lục. Tình trạng đô la hóa tiếp tục giảm (tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán đạt khoảng 11,6%, giảm so với mức khoảng 12,4% của cuối năm 2012-2013).

Thị trường vàng diễn biến ổn định, NHNN không phải tổ chức đấu thầu bán vàng miếng, góp phần hạn chế việc sử dụng ngoại tệ của Quỹ Bình ổn tỷ giá và giá vàng để nhập khẩu vàng trên thị trường quốc tế. Diễn biến ổn định của thị trường vàng đã góp phần duy trì sự ổn định của tỷ giá, thị trường ngoại hối, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước và ổn định kinh tế vĩ mô.

Quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD tiếp tục được thực hiện theo đúng Đề án đã được phê duyệt, trên cơ sở chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, an toàn hệ thống TCTD và khả năng chi trả của các TCTD được đảm bảo. Các giải pháp xử lý nợ xấu đã được ngành Ngân hàng triển khai quyết liệt, nợ xấu tiếp tục được xử lý.

Chính sách tiền tệ đã có sự phối hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác, đặc biệt là phối hợp với chính sách tài khóa, đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

2. **Rủi ro luật pháp**

Là một công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến việc cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

3. **Rủi ro đặc thù ngành**

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện, thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty này. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn Việt Nam có yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện tuy nhiên những khó khăn trong việc dự

báo thời tiết dẫn đến một rủi ro trong ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; khi thì các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá sức chịu đựng của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.

4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu

Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, cung cầu thị trường chứng khoán...Do vậy, khi thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán và giá cổ phiếu của Công ty sau này.

Toàn bộ phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty thông qua với tỷ lệ biểu quyết cao. Do đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán. Trong trường hợp này, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số cổ phần chưa được phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng sau:

- Hội đồng quản trị quyết định phân phối lại cho các đối tượng khác với giá và điều kiện phù hợp song không ưu đãi hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Nếu sau khi đã được HĐQT xử lý, số tiền thu được vẫn chưa đạt theo dự kiến, HĐQT sẽ có phương án vay vốn tín dụng để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn. Đồng thời quyết toán vốn điều lệ theo số lượng cổ phần thực tế đã được cổ đông thực hiện quyền trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty và của Cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu. Ngoài ra, chỉ số Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc đầu tư vốn vào các dự án mới chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận.

Hiện tại, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 90.806.464 cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ phát hành thêm 9.193.536 cổ phần, bằng 10,1243% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong kỳ}}{\text{Số lượng cổ phần bình quân lưu hành trong kỳ}}$$

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty, EPS năm 2014 là 786 đồng/cổ phiếu

- Giá trị sổ sách mỗi cổ phần

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đã lưu hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (31/12/2014)} = \frac{1.042.644.067.367}{90.806.464} = 11.482 \text{ đồng/CP}$$

- Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phiếu lớn này sẽ dẫn đến việc điều chỉnh giảm giá cổ phiếu do tác động pha loãng. Nhà đầu tư có thể tham khảo công thức sau:

$$P = \frac{Pt-1 + I_2 \times PR}{1 + I_1 + I_2} = \frac{11.000 + (10.000 \times 7,6243\%)}{1 + 10,1243\%} = 10.681 \text{ VND}$$

Trong đó:

P : Giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

Pt-1: Giá thị trường dự kiến của cổ phiếu trước khi pha loãng (giả định)

I₁ : Tỷ lệ tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần (2,5%)

I₂ : Tỷ lệ tăng vốn từ phát hành cho cổ đông hiện hữu (7,6243%)

PR: Giá cổ phiếu bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Tuy nhiên, rủi ro pha loãng sẽ giảm đi nếu Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt chào bán một cách hiệu quả nhất.

6. **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam - VNPD

Ông Nguyễn Thanh Tùng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Tùng Phương Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Hồ Quang Hải Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện Tổ chức tư vấn: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

(Số 128.2-2014/QĐ/FPTS-FHR ngày 18/12/2014 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty	: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Tổ chức chào bán	: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
HNX	: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
SGD	: Sở giao dịch
VND	: Việt Nam đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Tên nước ngoài: Viet Nam Power Development Joint Stock Company
- Tên Công ty viết tắt: VNPD
- Địa chỉ: Tầng 3 – CT1 – 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 04.22131580
- Fax: 04. 35527987
- Website: www.vnpgd.com.vn
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 908.064.640.000 (Chín trăm lẻ tám tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)
- Vốn pháp định: 6.000.000.000 (Sáu tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số 0101264520 ngày 20/12/2013.
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất, phân phối, bán điện.
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu. - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy điện;

	- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công trình công nghiệp; - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Tư vấn, giám sát thi công xây dựng (Công trình xây dựng điện đến 220 KV); - Tư vấn xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình xây dựng, thủy lợi, giao thông; - Tư vấn lập dự án kinh doanh (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế và tài chính);
3	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất thiết bị điện;
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp công trình điện; - Xây dựng công trình giao thông;
7	Đại lý du lịch Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ khách du lịch
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

	Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Buôn bán vật tư, thiết bị điện, thiết bị tin học;
10	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: - Đào tạo nghề cơ khí, điện, điện tử tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Dịch vụ xúc tiến việc làm;
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Tư vấn lắp đặt máy móc và thiết bị năng lượng, hướng dẫn vận hành, xử lý sự cố và sửa chữa máy điện; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).

- Sản phẩm chính: Điện năng

1.2. Quá trình hình thành phát triển

Ngày 03/6/2002, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty Xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (nay là Công ty Cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty Sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty Cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (Nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện với mức vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.040.800.000 đồng. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW). Đây là nhà máy được xây dựng năm 1988-1989 nên đã bị xuống cấp hư hỏng, nhiều thiết bị cũ, mòn, lạc hậu, thường xuyên phải ngừng sản xuất để sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng Công ty phải đầu tư sửa chữa gần như toàn bộ lại nhà máy nên mới phát điện trở lại được.

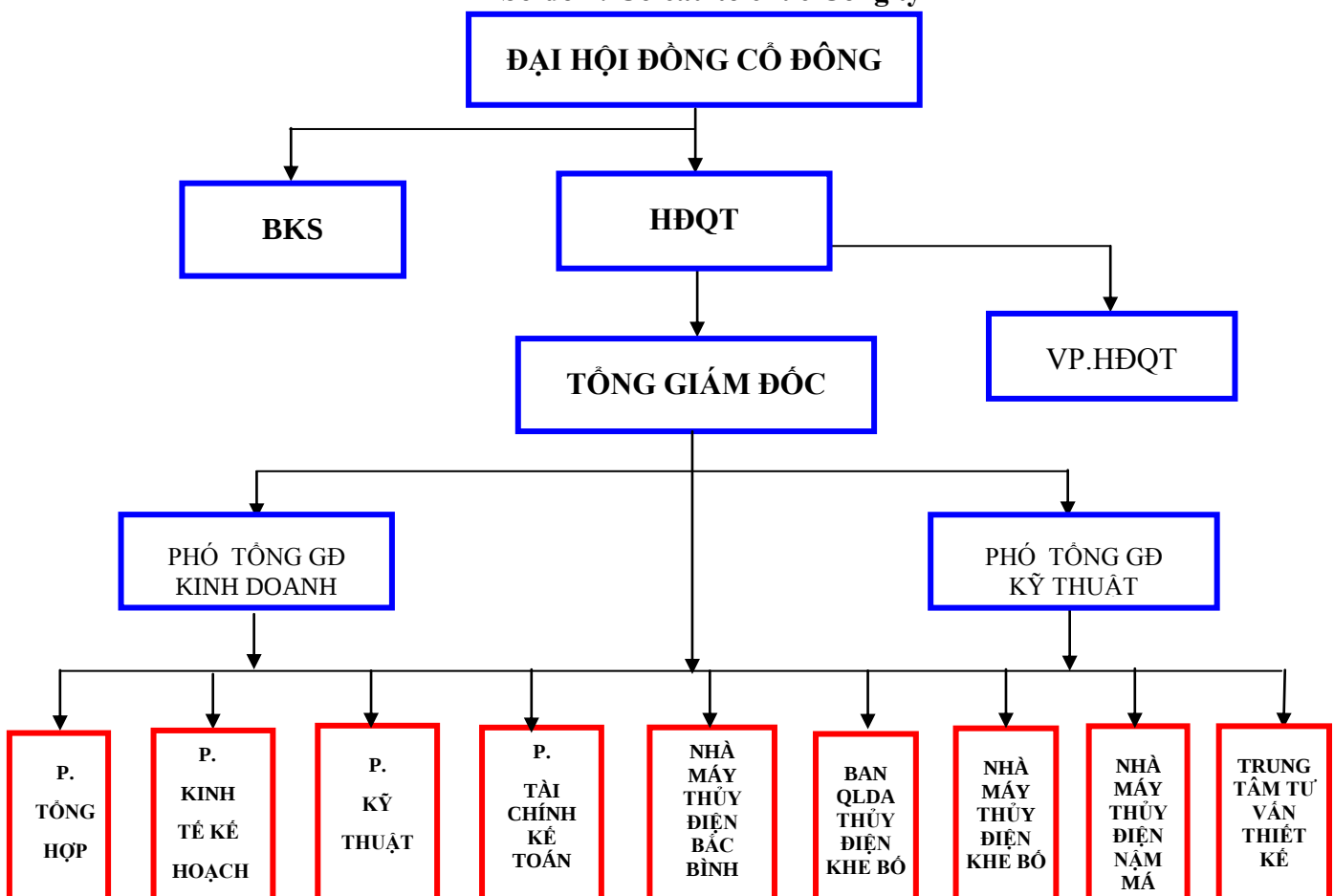
Ngày 19/12/2004, Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW), tổng mức đầu tư dự kiến là 571 tỷ đồng. Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XDCB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009.

Ngày 12/9/2007, Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư là 2.530,5 tỷ đồng, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013.

Ngày 14/4/2009, Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ – VNPD – HĐQT, Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Công ty



 Các phòng ban chức năng:

Phòng Tổng hợp: Tham mưu giúp Tổng giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Công tác hành chính quản trị;
- Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động tiền lương;
- Công tác thi đua khen thưởng;
- Công tác bảo vệ, thanh tra, pháp chế.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch: Tham mưu giúp Tổng giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng;
- Kinh tế dự toán xây dựng, sửa chữa lớn;
- Công tác đấu thầu;
- Lập, thẩm tra, thẩm định, trình duyệt các dự án đầu tư (ở giai đoạn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế thi công);
- Quản lý hợp đồng kinh tế, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- Công tác kinh doanh điện.

Phòng Kỹ thuật: Tham mưu giúp Tổng giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Đầu tư xây dựng, quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công các dự án;
- Quản lý kỹ thuật sản xuất vận hành các nhà máy điện;
- Quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị cho sản xuất;
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường;
- Nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiêu chuẩn hoá trong quản lý chất lượng;
- Quản lý điều hành các hoạt động mua, bán điện của các nhà máy điện một cách hiệu quả;
- Công tác giảng dạy, thi nâng bậc công nhân kỹ thuật.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Tổng giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Quản lý tài chính kế toán và tổ chức thực hiện nghiệp vụ về công tác tài chính kế toán trong cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của Nhà nước;

- Công tác quản lý vốn và các nguồn tài chính thuộc các dự án Công ty đầu tư;
- Cổ phần, cổ phiếu và thị trường chứng khoán của Công ty.

Ban QLDA nhà máy thủy điện Khe Bô (AKB): Có chức năng thực hiện, quản lý dự án nhà máy thủy điện Khe Bô, từ khi bắt đầu thực hiện dự án đến khi kết thúc đưa dự án vào khai thác sử dụng theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước. Hiện nay, nhà máy thủy điện Khe Bô đã đi vào hoạt động, Ban QLDA thủy điện Khe Bô có nhiệm vụ hoàn thiện các hạng mục xây lắp còn lại của Nhà máy và thực hiện công tác quyết toán công trình. Sau khi hoàn thiện xong các phần việc trên, Ban QLDA thủy điện Khe Bô sẽ giải thể.

Nhà máy thủy điện Khe Bô: Có chức năng quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện Khe Bô an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

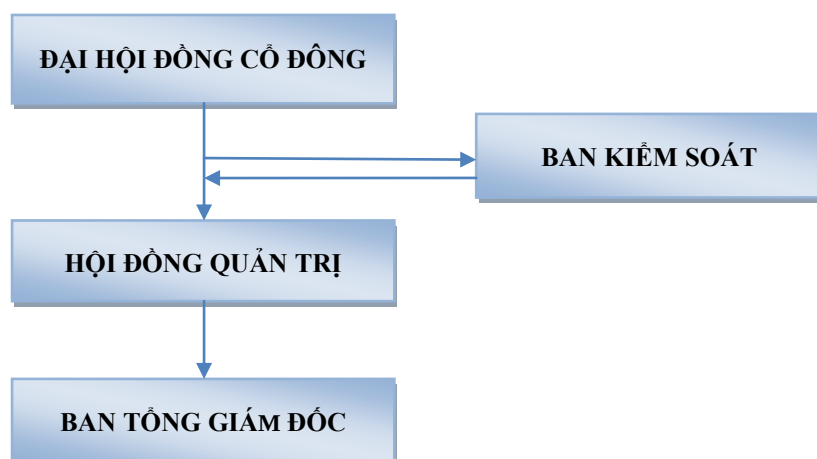
Nhà Nhà máy thủy điện Bắc Bình: Có chức năng quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện Bắc Bình an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Nhà máy thủy điện Nậm Mả: Quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Mả đảm bảo an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Trung tâm tư vấn thiết kế: Có chức năng tư vấn thiết kế cho các dự án thủy điện, giám sát các hạng mục công trình của nhà máy thủy điện Khe Bô và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

3. Cơ cấu quản lý Công ty

Sơ đồ 2: Sơ đồ quản lý Công ty



3.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần theo qui định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

3.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo Điều lệ Công ty quy định).

Hiện tại Hội đồng Quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm.

- | | |
|----------------------------------|-----------------|
| 1. Ông: NGUYỄN THANH TÙNG | : Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông: NGUYỄN TIẾN KHOA | : Ủy viên HĐQT |
| 3. Ông: NGUYỄN VĂN THỊNH | : Ủy viên HĐQT |
| 4. Ông: NGUYỄN VĂN KHÓA | : Ủy viên HĐQT |
| 5. Ông: KHUẤT QUANG MẬU | : Ủy viên HĐQT |

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).

Ban Tổng Giám đốc Công ty: Đứng đầu là Tổng Giám đốc Công ty, thực hiện quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc (02), cụ thể:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| 1. Ông: NGUYỄN THANH TÙNG | : Tổng Giám đốc |
| 2. Bà: NGUYỄN BÍCH LIÊN | : Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông: PHẠM ĐÌNH LÊ | : Phó Tổng Giám đốc |

Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động của Công ty, bao gồm các lĩnh vực: điều hành sản xuất kinh doanh điện; đầu tư xây dựng cơ bản; tài chính kế toán; đảm bảo đời sống của CBCNV và các công tác xã hội của Công ty.

3.4. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 04 (bốn) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm, cụ thể:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| 1. Ông : HỒ QUANG HẢI | : Trưởng ban |
| 2. Bà : NGUYỄN THỊ LIÊN | : Thành viên |
| 3. Ông : TRẦN ANH TUẤN | : Thành viên |
| 4. Bà : ĐINH THỊ DIỄM QUỲNH | : Thành viên |

3.5. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.

Ông: **NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG** : Kế Toán Trưởng

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ và người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2015

TT	Tên Cổ đông/ Người có liên quan	Địa chỉ Cổ đông/Chức vụ người có liên quan	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng Công ty Phát điện 1	Khu 6, P. Quang Trung, Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	35.000.000	350.000.000.000	38,54
1	Nguyễn Tiến Khoa	Phó TGD Tổng Công ty Phát điện 1 Thành viên HĐQT VNPD	11.787	117.870.000	0,013
II	Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Phường Phả Lại, Thị Xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	10.352.500	103.525.000.000	11,40
III	CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	362/14 Ung Văn Khiêm, P25, Q. Bình Thạnh, Tp HCM	4.692.063	46.920.630.000	5,17
1	Nguyễn Văn Khóa	Đại diện vốn góp của CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc Thành viên HĐQT VNPD	360	3.600.000	0.0003
Tổng cộng			50.044.563	500.445.630.000	55,11

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

Bảng 2 - Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 31/03/2015

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Số 11 Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Q.Ba Đình, Hà Nội	750.000	7.500.000.000	0,83
2	Công ty Cổ phần Miền Đông	Đường 1A, khu Công nghiệp 1, đường Biên Hoà, Đồng Nai	0	0	0
3	Công đoàn Điện lực Việt Nam	Số 30 phố Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.972.500	29.725.000.000	3,27
4	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2	Số 32 Ngô Thời Nhiệm, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	820	8.200.000	0,0009
5	Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh- Công ty Cổ phần	Tổ 26, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	61.101	611.010.000	0,07
Tổng cộng			3.784.421	37.844.210.000	4,17

(Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, số lượng cổ phần sở hữu của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty vào ngày 03/6/2002 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng.

Bảng 3 - Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/03/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Trong nước	7.476	90.780.456	907.804.560.000	99,97%
Tổ chức	13	56.663.387	566.633.870.000	62,40%

Cá nhân	7.463	34.117.069	341.170.690.000	37,57%
Nước ngoài	1	26.008	260.080.000	0,03%
Tổ chức	0	0	0	0
Cá nhân	1	26.008	260.080.000	0,03%
Tổng	7.477	90.806.464	908.064.640.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký chào bán, những công ty mà tổ chức đăng ký chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký chào bán

- Danh sách những công ty mẹ: Không có.
- Danh sách những công ty con: Không có.
- Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng: Không có.

6. Quá trình tăng vốn

Bảng 4 - Quá trình tăng vốn của Công ty

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng	Căn cứ
Năm 2002	13.700.000.000		Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập	
2002-2007	408.548.410.000	394.848.410.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập và CBCNV trong ngành điện	Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt ngày 06/6/2007 và 02/7/2007

2008-2010	559.805.130.000	151.256.720.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập và CBCNV trong ngành điện	Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007; Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/11/2008; Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010.
Năm 2011	668.200.630.000	108.395.500.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, một số cổ đông hiện hữu và cổ đông mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011
Năm 2012	816.056.610.000	147.855.980.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, EVN và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại góp bổ sung	Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012
Năm 2013	887.170.430.000	71.113.820.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, EVN góp bổ sung	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
Năm 2014	908.064.640.000	20.894.210.000	Chia cổ tức năm 2012 (tỷ lệ 2,5% bằng cổ phiếu)	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013. Công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014 UBCKNN

(Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

7. Hoạt động kinh doanh

a) Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

Bảng 5 - Cơ cấu doanh thu qua các năm 2013 – 2014, quý I/2015

Đơn vị tính: đồng

Nhóm sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng % DT	Giá trị	Tỷ trọng % DT	Giá trị	Tỷ trọng % DT
Doanh thu bán điện thương phẩm	391.547.945.986	99,85	519.305.889.462	100,00	100.601.587.904	100,00
- Nhà máy Nậm Mả	7.079.935.536	1,80	9.674.395.793	1,86	1.409.496.518	1,40
- Nhà máy Bắc Bình	91.711.497.655	23,39	102.958.657.884	19,83	23.308.739.817	23,17
- Nhà máy Khe Bô	292.756.512.795	74,66	406.672.835.785	78,31	75.883.351.569	75,43
Doanh thu tư vấn giám sát	576.001.227	0,15	-	-	-	-
Tổng	392.123.947.213	100,00	519.305.889.462	100,00	100.601.587.904	100,00

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

Bảng 6- Cơ cấu lợi nhuận Công ty qua các năm 2013,2014, Quý I/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lợi nhuận trước thuế	2013		2014		Quý I/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT
1	Điện	65.944	99.97%	88.187	100%	3.503	100%
2	Tư vấn giám sát	23	0,03%	0	0	0	0
Tổng cộng		65.967	100%	88.187	100%	3.503	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015

b) Chi phí sản xuất:

Bảng 7 - Cơ cấu chi phí sản xuất qua các năm 2013, 2014, Quý I/2015

Đơn vị tính: đồng

CHI PHÍ	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá vốn hàng bán	192.085.986.045	48,99	240.160.785.907	46,25	56.291.234.553	55,95
Chi phí bán hàng	-	0,00	-	0,00	-	0,00
Chi phí quản lý	7.987.263.723	2,04	27.038.165.774	5,21	6.022.600.478	5,99
Chi phí tài chính	126.574.909.770	32,28	166.073.354.841	31,98	35.060.519.355	34,85
Tổng cộng	326.648.159.538	83,31	433.272.306.522	83,43	97.374.354.386	96,79

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

c) Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty

- Năm 2013, Công ty thực hiện 03 dự án với giá trị là 275.127.653.500 đồng, đạt 90,05% kế hoạch năm. Cụ thể thực hiện như sau:

Dự án thủy điện Bắc Bình:

Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình đã hoàn thành và đã được HĐQT Công ty tạm phê duyệt.

Trong năm 2013, dự kiến thực hiện một số hạng mục còn lại của dự án như: Nhà làm việc và nhà ở của CBCNV; Đường vận hành lên Tháp điều áp và Cửa lấy nước; Phun vẩy gia cố mái đào Nhà máy và Gói thầu thiết bị cơ điện. Thực hiện năm 2013 là 1.050.000.000 đồng, đạt 5,64% kế hoạch năm.

Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó:

Trong năm 2013, đã thực hiện đầu tư hoàn thành về cơ bản các hạng mục công trình. Tổ máy số 1 đã phát điện ngày 08/5/2013, tổ máy số 2 đã phát điện ngày 24/8/2013.

Giá trị đầu tư xây dựng của dự án thủy điện Khe Bó trong năm 2013 là 273.846.130.000 đồng, đạt 95,83% kế hoạch năm.

Dự án cải tạo, đổ bê tông kênh dẫn nước Trạm thủy điện Nậm Má:

Năm 2013, Công ty đã triển khai thi công đổ bê tông một số vị trí kênh dẫn nước với giá trị là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty thiếu vốn tự có nên phải tập trung nguồn vốn để hoàn thành phát điện 02 tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bó nên chưa đầu tư hạng mục công trình này của thủy điện Nậm Má.

- Năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện ĐTXD các hạng mục còn lại của 02 dự án với giá trị là 174.311.236.454 đồng, đạt 90,84% kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

Dự án thủy điện Bắc Bình:

Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng đã hoàn thành.

Trong năm 2014, Công ty tập trung ĐTXD hạng mục còn lại là Khu nhà ở và làm việc của CBCNV.

Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô:

Hai Tổ máy của nhà máy đã phát điện năm 2013. Trong năm 2014, đã hoàn thành về cơ bản các hạng mục công trình.

Dự án thủy điện Khe Bô đang tiến hành hoàn thiện nốt các hạng mục còn lại và quyết toán, Công ty đã thành lập Tổ quyết toán Công trình; đã hoàn thành cơ bản quyết toán Đập dâng, cửa nhận nước và một số hạng mục phụ trợ khác với giá trị khoảng 242 tỷ đồng.

Đầu tư phát triển:

Năm 2014 công tác đầu tư phát triển là 1.610.009.000 đồng, đạt 65,09% kế hoạch năm.

- Trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện ĐTXD các hạng mục còn lại của 02 dự án. Cụ thể như sau:

Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô: Tiếp tục thi công xử lý sạt trượt vai trái Nhà máy, thi công xử lý sạt lở đường tránh ngập QL7 và các hạng mục cơ sở hạ tầng Tái định cư. Công tác Quyết toán hoàn thành thêm hạng mục công xả cát, cầu trục gian máy, các hạng mục Công ty đang khẩn trương thực hiện.

Dự án thủy điện Bắc Bình: Tiếp tục thực hiện thi công hạng mục Nhà làm việc và nhà ở của CBCNV.

Cho đến đầu năm 2015, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh điện là khá tốt khi cả 3 nhà máy đã và đang đi vào hoạt động ổn định, cung cấp hàng trăm nghìn KWh điện mỗi năm (530.789.462 KWh theo số liệu năm 2014), đồng thời cũng tiến hành quyết toán các hạng mục đã thi công xong.

d) Hoạt động marketing

Việc tiêu thụ sản phẩm điện đã được ký hợp đồng với công ty mua bán điện, cộng thêm tình hình cung cấp điện năng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng hiện nay; do đó, đầu ra của sản phẩm rất ổn định. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam không vì vậy mà bỏ qua việc xây dựng và bảo vệ hình ảnh công ty. Bằng việc áp dụng chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị, kết hợp với đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao

nhằm mang lại hình ảnh chuyên nghiệp, chất lượng sản phẩm đảm bảo, mang thương hiệu VNPD đến gần hơn với công chúng.

e) *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*



- Logo Công ty:

- Tên Công ty viết tắt: **VNPD**

- Trang Web của Công ty: “www.vnpd.com.vn” đã được đăng ký tại Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)-Bộ Thông tin và Truyền thông.

f) *Các hợp đồng lớn đang thực hiện và đã ký kết:*

Bảng 8 - Các hợp đồng lớn đang thực hiện và đã ký kết

STT	Tên khách hàng	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị	Sản phẩm
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12/07/2012	Từ ngày 01/01/2012	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Nhà máy TĐ Bắc Bình
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	20/06/2013	Từ ngày 01/04/2013	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Nhà máy TĐ Khe Bó
3	Tổng công ty Điện lực Miền	02/05/2014	Từ 05/2014 đến hết tháng 02/2015	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Nhà máy TĐ Nậm Ná
4	Tổng công ty Điện lực Miền	02/03/2015	Từ tháng 03/2015	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Nhà máy TĐ Nậm Ná

Nguồn: Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 9 - Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng giảm	% tăng giảm	3 tháng đầu năm 2015
Tổng giá trị tài sản	3.347.511.836.685	3.117.980.698.629	(229.531.138.056)	-6,86	3.047.668.272.482
Doanh thu thuần	392.123.947.213	519.305.889.462	127.181.942.249	32,43	100.601.587.904
Giá vốn	192.085.986.045	240.160.785.907	48.074.799.862	25,03	56.291.234.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.987.263.723	27.038.165.774	19.050.902.051	238,52	6.022.600.478
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	66.302.842.082	88.845.382.834	22.542.540.752	34,00	3.575.305.351
Lợi nhuận khác	(335.865.432)	(657.598.817)	(321.733.385)	95,79	(71.489.091)
Lợi nhuận trước thuế	65.966.976.650	88.187.784.017	22.220.807.367	33,68	3.503.816.260
Lợi nhuận sau thuế	51.672.738.012	71.417.139.546	19.744.401.534	38,21	3.094.334.035
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87,87%	63,57%	-24,29%	-27,65	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng khá tốt. Doanh thu năm 2014 của Công ty đã tăng 32,43% so với năm 2013; Lợi nhuận trước thuế tăng tương ứng là 33,68%. Mặc dù chi phí tài chính và giá vốn hàng hóa đã tăng lên tương đối trong năm 2014 (chi phí tài chính tăng 31,21%, giá vốn hàng hóa tăng 25,03%) tuy nhiên Công ty vẫn tạo ra lãi ròng với lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 38,21%.

Những nhân tố thuận lợi:

- Thuận lợi duy nhất của Công ty cho kết quả SXKD là Công ty đã và đang được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ Nhà máy thủy điện Bắc Bình.

Những nhân tố khó khăn:

- Trở ngại lớn nhất đối với Công ty là việc tiếp cận nguồn vốn vay trong nước cho nhu cầu vốn đầu tư dự án trong giai đoạn suy thoái kinh tế năm 2010-2012. Mặt khác, do thị trường chứng khoán sụt giảm, tình hình Tài chính nói chung gặp nhiều khó khăn nên Công ty cũng không huy động được đủ nguồn vốn tự có do các cổ đông góp làm vốn đối ứng để thực hiện vay vốn đầu tư các Dự án. Mặt khác việc sử dụng nguồn vốn vay lớn dẫn đến chi phí tài chính tăng làm giảm lợi nhuận. Mặc dù, Công ty gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn nhưng vẫn chủ động được Tài chính trong giai đoạn khó khăn này.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô tuy thuộc ngành ưu đãi đầu tư và xây dựng trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nhưng không được hưởng ưu đãi đầu tư.
- Trở ngại nữa đối với Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD là giá mua bán điện của ba Nhà máy: giá mua bán điện của Nhà máy Nậm Mả là 785,5 đ/kwh, Nhà máy Bắc Bình là 744 đ/kwh và Nhà máy Khe Bô là 932,34 đ/kwh.
- Về lãi suất vay để đầu tư các Nhà máy điện cũng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty: Nguồn vốn để Công ty đầu tư các Nhà máy điện chủ yếu là từ vốn vay, tỷ trọng vốn vay đầu tư xây dựng các Nhà máy chiếm 70% Tổng số vốn. Trong giai đoạn từ 2009 đến năm 2012, lãi suất vốn vay liên tục tăng rất cao, có những thời điểm Công ty đã phải chịu mức lãi suất lên đến 21%/năm.

9. Vị thế Công ty trong ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Theo quyết định số 148/2006/QĐ-TTg ngày 22/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là thành viên liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty liên kết của Tổng Công ty Phát điện 1.

Nhà máy thủy điện Khe Bô, Bắc Bình là các dự án nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến 2025 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII) và đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ban hành ngày 18/8/2007.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Về nhu cầu:

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn, cao hơn so với khả năng sản xuất điện trong nước. Dự đoán tình trạng thiếu điện tại Việt Nam vẫn còn tiếp tục diễn ra trong những năm tới do mức tăng trưởng kinh tế ngày một tăng cao, nhu cầu mở rộng sản xuất ngày một cấp thiết; đặc biệt vào mùa khô khi lượng nước tại các hồ thủy điện xuống thấp; trong khi đó giá điện thương phẩm hiện nay còn chưa cao, không khuyến khích được các nhà đầu tư đầu tư mạnh vào các dự án sản xuất điện. Theo dự báo nhu cầu điện sẽ tiếp tục gia tăng trong những năm tới và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện cao hơn 2 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP (Theo báo cáo về tình hình kinh tế xã hội 2012 và kế hoạch phát triển năm 2013 của Chính Phủ).

Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:

Sau nhiều lần tăng giá điện thì giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện ở mức bình quân 1.622,01 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,7 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được Chính phủ cho phép tăng nhằm khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực sản xuất điện năng và chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh.

Về mức độ phát triển ngành:

Với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư vào vận hành các nhà máy sản xuất điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng Công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Tuy nhiên, việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường. Do đó, Ngành điện trong tương lai gần có rất nhiều triển vọng và cơ hội đầu tư.

10. Chính sách với người lao động

Cơ cấu lao động:

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhận lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Số lượng người lao động trong Công ty: Tổng số CBCNV Công ty thời điểm 31/03/2015 là 152 người, trong đó:

- Trình độ Thạc sỹ: 04 người;	Tỷ lệ: 2,63%;
- Trình độ Đại học: 61 người;	Tỷ lệ: 40,13%;
- Cao đẳng, trung cấp: 40 người;	Tỷ lệ: 26,31%;

- Công nhân: 14 người; Tỷ lệ: 9,21%;
- Lái xe, tạp vụ, bảo vệ, cấp dưỡng: 28 người; Tỷ lệ: 18,43%;
- Học viên đào tạo: 05 người; Tỷ lệ: 3,29%;
- Lao động nữ: 40 người; Tỷ lệ: 26,31%

Bảng 10 - Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó						
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Bảo vệ tạp vụ (Bộ phận khoán)	Học viên đào tạo
1	Văn phòng Công ty	44	4	30	1	0	4	5	
2	Trạm thủy điện Nậm Mả	14	0	0	8	4	0	1	1
3	Ban QLDA thủy điện Khe Bô	4	0	4	0	0	0	0	
4	Nhà máy thủy điện Khe Bô	49	0	14	21	4	2	8	
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	41	0	13	10	6	2	6	4
	Tổng cộng:	152	4	61	40	14	8	20	5

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h ngày và 40h/tuần.

Đối với nhân viên hành chính làm việc từ 8h00 đến 12h00 và 13h00 đến 17h00.

Đối với công nhân vận hành thiết bị trong dây chuyền sản xuất làm việc theo lịch 3 ca – 4 kíp.

Nghỉ phép, lễ, tết: Nhân viên Công ty được nghỉ theo đúng quy định của Nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, bằng việc trang bị đầy đủ thiết bị làm việc cũng như các thiết bị bảo hộ, xây dựng và cung cấp cơ sở vật chất tối ưu nhất giúp nhân viên đạt hiệu suất cao nhất trong công việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty giám sát và tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.

Hướng tới tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.

Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty chi trả tiền lương căn cứ theo chất lượng và hiệu quả công việc thực tế đóng góp của từng CBCNV vào kết quả SXKD của Công ty theo Quy định phân chia tiền lương đã được thông báo đến toàn bộ CBCNV.

Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên hàng năm, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: Thưởng tháng lương thứ 13; thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty theo Thỏa ước lao động tập thể Công ty, Quy chế thi đua khen thưởng Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

11. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bù đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty,

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 11 - Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức trả cổ tức
2011	1%	Tiền mặt
2012	2,5%	Cổ phiếu
2013	5%	Tiền mặt
2014	5%	Tiền mặt
2015 (dự kiến)	6,5%	

Nguồn: Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Vốn điều lệ, vốn kinh doanh tại thời điểm 31/03/2015
 - Vốn điều lệ: 908.064.640.000 đồng
 - Tổng nguồn vốn kinh doanh: 3.047.668.272.482 đồng

Toàn bộ vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Quyền sử dụng đất	50 – 70 năm

Phần mềm kế toán và TSCĐ vô hình khác

03 – 10 năm

- Mức lương bình quân của Công ty năm 2014 là 13.807.857 đồng/người.
- Thanh toán các khoản nợ tới hạn:

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn, khả năng trả nợ Ngân hàng của Công ty đang trong tình trạng tốt và đúng hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 12 - Các khoản còn phải nộp*Đơn vị: Đồng*

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	31/03/2015
Thuế giá trị gia tăng	2.320.918.030	419.061.837	4.675.320.850
Thuế thu nhập DN	13.052.678.418	11.511.299.173	-
Thuế thu nhập cá nhân	78.577.079	119.920.257	471.744.183
Thuế tài nguyên	859.611.370	1.349.398.173	2.919.764.547
Các loại thuế khác	2.167.824.000	183.767.524	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.486.882.000	2.568.407.755	1.973.309.360
Tổng cộng	19.966.490.897	16.151.854.719	10.040.138.940

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

Các loại thuế phải nộp theo Luật định Công ty đã thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng các quy định hiện hành.

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo Quy chế Quản lý tài chính, hàng năm Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính; quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.

Bảng 13 – Số dư các quỹ

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	31/03/2015
Lợi nhuận sau thuế TNDN	51.672.738.012	71.417.139.546	3.094.334.035
Quỹ đầu tư phát triển	4.982.515.476	6.015.970.236	8.385.742.206
Quỹ dự phòng tài chính	2.791.248.161	3.824.702.921	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(143.538.977)	2.955.737.515	2.524.282.515

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

- Tổng dư nợ phải trả của Công ty trong những năm gần nhất:

Bảng 14 - Nợ phải trả năm 2013, 2014 và Quý I/2015

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	31/03/2015
Nợ ngắn hạn	399.111.879.521	458.381.334.191	421.089.780.186
Nợ dài hạn	1.926.228.913.423	1.616.955.297.071	1.580.840.090.894
Tổng	2.325.340.792.944	2.075.336.631.262	2.001.929.871.080

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

- Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 15 - Tình hình công nợ phải thu năm 2013, 2014 và Quý I/2015

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	31/03/2015
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	<i>211.022.350.128</i>	<i>135.312.613.754</i>	<i>185.337.254.620</i>
Phải thu từ khách hàng	76.667.227.852	25.598.574.782	61.428.753.307
Trả trước cho người bán	133.294.605.184	102.461.381.009	112.432.901.267

Phải thu khác	1.060.517.092	7.252.657.963	11.475.600.046
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng	211.022.350.128	135.312.613.754	185.337.254.620

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

Bảng 16 - Chi tiết công nợ phải trả năm 2013, 2014 và Quý I/2015

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	31/03/2015
I. Nợ ngắn hạn	399.111.879.521	458.381.334.191	421.089.780.186
1. Vay và nợ ngắn hạn	229.394.000.000	300.277.667.500	289.619.931.213
2. Phải trả người bán	126.915.168.477	110.885.764.837	97.084.177.849
3. Người mua trả tiền trước	302.460.000	302.460.000	302.460.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.966.490.897	16.151.854.719	10.040.138.940
5. Phải trả người lao động	4.828.592.699	7.653.955.495	2.555.421.881
6. Chi phí phải trả	2.293.848.128	2.943.786.265	6.820.543.736
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.554.858.297	17.210.107.860	12.142.824.052
8 Quỹ khen thưởng phúc lợi	(143.538.977)	2.955.737.515	2.524.282.515
II. Nợ dài hạn	1.926.228.913.423	1.616.955.297.071	1.580.840.090.894
1. Vay và nợ dài hạn	1.615.363.460.424	1.404.023.915.963	1.372.543.599.062
2. Phải trả dài hạn nội bộ	310.865.452.999	212.293.381.108	208.296.491.832
NỢ PHẢI TRẢ	2.325.340.792.944	2.075.336.631.262	2.001.929.871.080

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC quyết toán Quý I/2015)

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	0,70	0,50
- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	-	0,70	0,49
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	-	0,69	0,67
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	-	2,27	1,99
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/HTK bình quân)		78,91	89,45
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	0,12	0,16
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13,18	13,75
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	-	5,06	6,85
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	-	1,54	2,29
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	-	16,91	17,11

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

a. Danh sách về HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Tiến Khoa	Ủy viên HĐQT
3	Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Khóa	Ủy viên HĐQT
5	Khuất Quang Mậu	Ủy viên HĐQT

❖ ÔNG: NGUYỄN THANH TÙNG - CHỦ TỊCH HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN THANH TÙNG**
- Số CMND: 011372396; Nơi cấp: CA Hà Nội cấp ngày 26/11/2007
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1962
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39, tổ 01, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: A2, lô 5, khu Đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thủy điện
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 10/1986 đến tháng 7/2002: Công tác tại Đoàn thiết kế 1 - Công ty Tư vấn xây dựng điện 1, làm Tổ trưởng tổ thiết kế thi công và dự toán, phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Đại Thị (sau đổi tên là Tuyên Quang) giai đoạn tiền khả thi, Chủ nhiệm đề án thiết kế thủy điện Nale (sau đổi tên là Bắc Hà).

- + Từ tháng 7/2002 đến tháng 11/2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, làm Phó phòng kỹ thuật.
- + Từ tháng 11/2002 đến tháng 2/2004: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Trưởng phòng kỹ thuật.
- + Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Phó Trưởng ban quản lý dự án thủy điện 1, phó bí thư chi bộ.
- + Từ tháng 02/2008 đến tháng 4/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- + Từ tháng 4/2012 đến 10/2014: Thành viên HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc Công ty.
- + Từ tháng 10/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 17.500.000 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 31.775 cổ phần, chiếm 0,034% Vốn Điều lệ
- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Trần Thị Thu Thủy (vợ): 45.250 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **ÔNG: NGUYỄN TIẾN KHOA - ỦY VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN KHOA**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 011888220 cấp ngày 15/8/2009; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 29/10/1969

- Nơi sinh: Lộc Yên, Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: B20-X3, Đô thị Mỹ Đình 1, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0336560907
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thủy điện
- Quá trình công tác:
 - + Từ 4/1994-7/2000: Kỹ sư thiết kế thủy điện, Công ty Tư vấn xây dựng điện 1(Công ty KSTKĐ1);
 - + Từ 8/2000-7/2002: Học thạc sĩ tại Na Uy;
 - + Từ 8/2002-12/2002: Kỹ sư thiết kế thủy điện, Công ty Tư vấn xây dựng Điện 1;
 - + Từ 01/2003- 3/2008: Chuyên viên phòng Tổng hợp, Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
 - + Từ 4/2008-12/2012: Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 2, Tập Đoàn điện lực Việt Nam.
 - + Từ 01/2013 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phát điện 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phát điện 1
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 17.500.000 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 11.787 cổ phần, chiếm 0,013% vốn Điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: 15.000 cổ phần Ngân hàng An Bình, 30.000 cổ phần Thủy điện Srok Phumieng, 15.000 cổ phần Thủy điện Miền Trung.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

❖ ÔNG: NGUYỄN VĂN THỊNH - ỦY VIÊN HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 20.10.1962
- Nơi sinh: Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 142469165 cấp ngày 06/01/2006 tại Công an Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Chỗ ở hiện tại: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh quốc tế
- Quá trình làm việc:
 - + Từ 1986- 1999: Kỹ thuật viên Phân xưởng vận hành 1
 - + Từ 1999-2010: Quản đốc phân xưởng Phân xưởng vận hành 1
 - + Từ T8/2010-nay: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.352.500 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN KHÓA - ỦY VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN KHOA**
- Số CMND: 023665370 do CA TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/8/1998
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/03/1953
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 289/B2 phố Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chỗ ở hiện tại: Số 289/B2 phố Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 1975-1979: Đội trưởng xây dựng Công ty XD Hải Phòng
 - + Từ 1979-1985: Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4-Tổng Công ty XD số 1 TP.HCM
 - + Từ 1985-1991: Phó Giám đốc Công ty XD thủy điện Trị An- Tổng Công ty XD số 1
 - + Từ 1991 – tháng 4/2006 Giám đốc Công ty XD Miền Đông – Tổng Công ty XD số 1
 - + Từ tháng 4/2006-12/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Miền Đông.

- + Từ 12/2014 đến nay: Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 4.692.063 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 360 cổ phần (chiếm 0,0003% Vốn điều lệ)
- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **ÔNG: KHUẤT QUANG MẬU - ỦY VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **KHUẤT QUANG MẬU**
- Số CMND: 001060002436 cấp ngày 12/11/2014; Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/8/1960
- Nơi sinh: Thị xã Sơn Tây, TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 1303-CT1, đường Trần Văn Lai, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: Nhà 1303-CT1, đường Trần Văn Lai, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
- Từ 1986 đến 1991: Công tác tại Công ty Xây lắp thủy điện Hoàng Liên Sơn
- (Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật, Trưởng ban chỉ huy công trường, Đội trưởng đội xây lắp đường dây và Trạm biến áp)
- + Từ 1991 đến 1993: Công tác tại Sở Thủy lợi Lào Cai (Chức vụ: Phó trưởng phòng thủy nông)

- + Từ 1993 đến 1998: Công tác tại Sở Điện lực Lào Cai (Chức vụ: Phụ trách thiết kế phòng Kỹ thuật)
- + Từ 1998 đến 2008: Công tác tại Điện lực tỉnh Lào Cai (Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức Lao động, Chủ tịch Công đoàn Điện lực tỉnh Lào Cai)
- + Từ 2008 đến 2014: Công tác tại cơ quan Công đoàn Điện lực Việt Nam (Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng, Phó Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam)
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 2.972.500 cổ phần
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

b. Danh sách về Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Quang Hải	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm Soát
4	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm Soát

❖ ÔNG: HỒ QUANG HẢI - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: **HỒ QUANG HẢI**
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 05.8.1960
- Nơi sinh: Lào Cai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 100120089 cấp ngày 16/5/2009; Nơi cấp: Quảng Ninh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 29, khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 29, khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế thương mại
- Quá trình công tác:
 - + 5/1978 – 5/1982: Nơi làm việc: Quân đội – Chức vụ: Trung đội phó – Thượng sỹ
 - + 8/1982 – 11/1987: Công nhân sửa chữa Cơ Nhiệt, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 12/1987 – 11/1993: Thống kê Vật tư – Xe, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 12/1993 – 6/1997: Cán bộ thanh quyết toán Công trình Xây lắp Điện, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 7/1997 – 3/2003: Cán bộ phòng Kế hoạch, Dự án, Đấu thầu – Nhà máy nhiệt điện Uông Bí
 - + 4/2003 – 5/2008: Cán bộ phòng Tài chính – Kế toán, Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí
 - + 5/2008 – 10/2009: Thư ký Giám đốc, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
 - + 10/2009 – 6/22010: Phó trưởng phòng tổng hợp Chuẩn bị sản xuất, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
 - + 7/2010 – 31/12/2012: Kiểm soát viên Công ty, Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Uông Bí
 - + 1/1/2013 đến nay: Phó Trưởng ban Thanh tra, Bảo vệ và Pháp chế, Tổng Công ty Phát điện 1
 - + 1/1/2015 – nay: Trưởng ban kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Phát điện 1
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức phát hành: Trưởng ban kiểm soát Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát nội bộ thuộc Tổng Công ty Phát điện 1
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Những người có liên quan: Không

❖ **BÀ: NGUYỄN THỊ LIÊN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LIÊN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/04/1961

- Số CMND: 012720290 cấp ngày 07/11/2006; Nơi cấp: CA Hà Nội;
- Nơi sinh: Thạch Thất – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Thạch - Thạch Xá - Thạch Thất - Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Số 6, ngõ 470, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.2201147
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 1984 – 1986 : Kế toán tại chi nhánh xuất khẩu Thạch Thất thuộc Công ty Mây tre đan xuất khẩu Hà Nội
 - + 1987 – 1993: Chuyên viên kế toán tại Công ty Xuất khẩu Thạch Thất (tách từ Công ty Mây tre đan xuất khẩu Hà Nội)
 - + 1994: Nghỉ chờ chuyển công tác
 - + 1995 – 1996: Kế toán trưởng tại Công ty Dệt Nam Thanh
 - + 1997 – 1998: Kế toán tổng hợp tại Công ty sản xuất kinh doanh của người tàn tật thuộc Sở Lao động TBXH Hà Nội.
 - + 1999 – 2003: Kế toán công đoàn chuyên trách tại Công đoàn Công ty Điện lực 1
 - + Từ tháng 10/2003 – đến nay: Kế toán chuyên trách Công đoàn Điện lực Việt nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Tài chính Công đoàn Điện lực Việt Nam.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 41.875 cổ phần, chiếm 0,046% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Nguyễn Thị Hà Linh (con gái): 20.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ **ÔNG: TRẦN ANH TUẤN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**
 - Họ và tên: **TRẦN ANH TUẤN**
 - Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 23/4/1974
- Nơi sinh: TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số CMND: 023320049 cấp ngày 30/3/2006; Nơi cấp: CA TP.HCM;
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 32C, 12B Hoa Lan, P.2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại: 32C, 12B Hoa Lan, P.2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.2201147
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + 1997 – 2005: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Hoàng Long
 - + 2006 – 06/2007: Kế toán trưởng, Công ty TNHH TungSinh
 - + 07/2007 – 05/2010: Trưởng phòng Đầu tư – Tài chính, Công ty Cổ phần Miền Đông
 - + Từ tháng 8/2008 – đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam
 - + Từ tháng 05/2010 – đến 05/2013: Thành viên HĐQT kiêm trưởng Phòng đầu tư – Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: TV HĐQT Công ty Tài chính Công ty CP Miền Đông
 - + Từ tháng 6/2013 đến 4/2014: Thành viên HĐQT kiêm phó TGĐ Công ty CP Miền Đông
 - + Từ tháng 7/2014 đến nay: TV HĐQT Công ty CP Miền Đông, Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Đa Dâng 3
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: TV HĐQT Công ty CP Miền Đông, Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Đa Dâng 3
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ BÀ ĐÌNH THỊ DIỄM QUỲNH

- Họ và tên: Đình Thị Diễm Quỳnh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04 tháng 01 năm 1981
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 141.854.078 cấp ngày 5/01/2006 tại Công an Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Phả Lại - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương.
- Chỗ ở hiện tại: Phường Phả Lại - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế hoạch
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 1/2003- tháng 5/2006: Phòng Kế hoạch Vật tư thuộc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
 - + Từ tháng 5/2006 đến nay: Phòng Tài chính Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

c. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc
2	Bà Nguyễn Bích Liên	Phó Tổng Giám Đốc
3	Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám Đốc

❖ **ÔNG: NGUYỄN THANH TÙNG** - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty;
(Trích ngang như trên)

❖ **BÀ: NGUYỄN BÍCH LIÊN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Họ và tên: **NGUYỄN BÍCH LIÊN**
- Số CMND: 012987955 do CA Hà Nội cấp ngày 18/8/2007
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1961
- Nơi sinh: Bệnh viện Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1984-1988: Kế toán viên-Sở Điện lực Hà Nam Ninh.
 - + Từ 1989-1995: Kế toán tổng hợp-Sở Điện lực Hà Nam Ninh.
 - + Từ 1995-1996: Phó phòng Kế toán-Điện lực Nam Hà
 - + Từ 1997-tháng 10/2004: Trưởng phòng Tài chính kế toán Điện lực Hà Nam
 - + Từ 11/2004-tháng 3/2007: Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
 - + Từ tháng 3/2007 đến tháng 6/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - + Từ tháng 6/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 33.825 cổ phần, chiếm 0,037% vốn Điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Phó TGD
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

❖ **ÔNG: PHẠM ĐÌNH LÊ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Họ và tên: **PHẠM ĐÌNH LÊ**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1978
- Số CMND: 030078000112 cấp ngày 09/9/2014; Nơi cấp: CA Hà Nội;
- Nơi sinh: Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P405, N1 Chung cư Z157, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
 - + Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
 - + Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1
 - + Từ tháng 01/3/2007 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
 - + Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
 - + Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 31/10/2013 – 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Phó TGD
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

d. Kế toán trưởng

❖ ÔNG: NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Họ và tên: **NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG**
- Số CMND: 111309363 do CA Hà Nội cấp
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/3/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Lao – Hoài Đức – Hà Tây (Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Phố Yên Bình – phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131577
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 9/1999 - 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.
 - + Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATE I.
 - + Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
 - + Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán VNPD.
 - + Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán VNPD.
 - + Từ 01/2014 – 7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán VNPD.
 - + Từ 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty VNPD.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Cẩm Sơn.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Nguyễn Thu Giang (vợ) 12.386 cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Kế toán trưởng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Tài sản

Bảng 18 - Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2014

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	3.331.459.313.066	449.088.086.619	2.882.371.226.447
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	1.641.306.843.793	184.324.463.434	1.456.982.380.359
Máy móc thiết bị	1.682.576.144.632	259.778.475.445	1.422.797.669.187
Phương tiện vận tải	7.054.166.422	4.670.093.041	2.384.073.381
Thiết bị, dụng cụ quản lý	522.158.219	315.054.699	207.103.520
TSCĐ khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	4.121.558.661	332.014.768	3.789.543.893
Quyền sử dụng đất	3.857.548.229	239.336.955	3.618.211.274
Phần mềm tin học	172.195.842	52.850.634	119.345.208
TSCĐ vô hình khác	91.814.590	39.827.179	51.987.411
Tổng cộng	3.335.580.871.727	449.420.101.387	2.886.160.770.340

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014)

Bảng 19 - Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Địa điểm	Diện tích (m2)
Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng	2.323.172

<u>Trong đó:</u>	
Trụ sở Công ty tại 583 Nguyễn Trãi, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	828,000
Nhà máy Thủy điện Khe Bô: (chưa có diện tích đất phần sử dụng lòng hồ)	673.497,000
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình:	1.630.646,42
Nhà máy thủy điện Nậm Mả:	18.201,000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Bảng 20 - Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	516.155.980.000	-0,61%
Lợi nhuận sau thuế	77.934.770.677	9,13%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,10%	1,35%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,97%	0,12%
Cổ tức	6,5%	1,5%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam)

Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2015:

Nhóm giải pháp về Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống của CBCNV:

- Trong năm 2015 – 2016 Công ty sẽ nghiên cứu, cơ cấu lại tổ chức của các nhà máy điện, văn phòng Công ty theo hướng quản lý tập trung tại văn phòng Công ty, chuyển đổi dần mô hình nhà máy thành các phân xưởng vận hành nhằm tinh giảm biên chế bộ máy hành chính và hoạt động hiệu quả. Trước mắt trong năm 2015, tiến hành rà soát lại định biên

của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để đưa ra khỏi bộ máy các nhân sự làm việc kém hiệu quả và bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ SXKD. Hoàn thiện qui chế phân phối tiền lương để trả lương đúng người, đúng việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Nghiên cứu các chính sách đãi ngộ đối với lực lượng nòng cốt góp phần thu hút, xây dựng lực lượng lao động chuyên môn, kỹ thuật cao để phát triển Công ty bền vững.

- Triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thủy điện ngắn hạn. Tổ chức các khóa học tập kinh nghiệm quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành.
- Hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty.
- Thực hiện sâu rộng qui tắc ứng xử văn hóa EVNGENCO1, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.
- Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.

Nhóm giải pháp đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy trình quy phạm vận hành sửa chữa.
- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị, đảm bảo các tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bó, Bắc Bình và Nậm Mả luôn luôn sẵn sàng vận hành với khả năng tối ưu.
- Rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy. Thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.
- Thực hiện tốt công tác chào giá điện của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí do EVNGENCO1 giao.

Nhóm giải pháp đối với nhiệm vụ ĐTXD:

- Nhà máy Khe Bó:
 - + Hoàn thành thi công các hạng mục: Sạt trượt vai trái, xử lý sạt lở QL7 và cơ sở hạ tầng TĐC còn lại.
 - + Xem xét, nghiên cứu biện pháp nạo vét hạ lưu kênh xả nhà máy để tăng sản lượng phát điện.
 - + Xây dựng trụ sở làm việc và nơi ở cho CBCNV nhà máy.
 - + Tập trung hoàn thành công tác quyết toán công trình chính và các hạng mục Tái định cư đã hoàn thành.

- Nhà máy Bắc Bình: Hoàn thành khu nhà ở và làm việc của CBCNV nhà máy.
- Nhà máy thủy điện Nậm Má: Ngày 09/10/2014, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 32/2014/TT-BCT về việc Quy định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ. Công ty đã ký Hợp đồng mua bán điện theo Thông tư 32 với Tổng Công ty điện lực Miền Bắc.

Nhóm giải pháp về việc đàm phán giá bán điện theo chính sách mới:

- Nhà máy thủy điện Nậm Má:
Ngày 09/10/2014, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 32/2014/TT-BCT về việc Quy định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ. Công ty đang làm việc với Tổng Công ty điện lực Miền Bắc ký kết Hợp đồng mua bán điện theo Thông tư 32.
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình:
Ngày 19/12/2014, Bộ Công Thương đã ban hành thông tư 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện. Theo thông tư này giá hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện gồm hai thành phần: Giá cố định bình quân của nhà máy; Giá vận hành và bảo dưỡng của nhà máy. Công ty đang xem xét những qui định mới và tính toán áp dụng để đàm phán giá bán điện theo Thông tư mới.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo, Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Theo quy định Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11, “Công ty đại chúng đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải cam kết đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn một năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua”.

Như vậy, tối đa sau 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, cổ phiếu của Công ty dự kiến sẽ được giao dịch trên thị trường tập trung.

Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 đã nhất trí thông qua chủ trương niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu trong năm 2015 hoặc trước ĐHCD thường niên năm 2016.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký chào bán

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành

- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành: 9.193.536 cổ phiếu. Trong đó:
 - Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu 2.270.161 cổ phiếu
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu 6.923.375 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/CP

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/ cổ phần

5. Phương pháp tính giá

- Nguyên tắc xác định giá phát hành: Giá phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là 10.000 đồng/cổ phiếu, được căn cứ trên giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2014.

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2014:

Giá trị sổ sách mỗi cổ = Nguồn vốn chủ sở hữu

phần

Số cổ phần đã lưu hành – Cổ phiếu quỹ

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách mỗi cổ} \\ \text{phần (31/12/2014)} \end{array} = \frac{1.042.644.067.367}{90.806.464} = 11.482 \text{ đồng/CP}$$

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 10,1243% cổ phiếu mới (bao gồm 2,5% cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn thặng dư cổ phần và 7,6243% cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu) so với vốn điều lệ hiện tại dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại chưa phục hồi và bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như để tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua ngày 24/4/2015 (NQ số 388/NQ- VNPD – ĐHĐCĐ)

6. Phương thức phân phối

Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

Đối tượng phát hành

Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông do Công ty Cổ

phần Phát triển Điện lực Việt Nam thông báo sau khi được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Tổng khối lượng cổ phiếu phát hành dự kiến

2.270.161 cổ phần

Tỷ lệ phát hành

100:2,5 (tức Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền được nhận 2,5 cổ phiếu mới)

Nguồn vốn dự kiến sử dụng

Nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2014 trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014

Nguyên tắc làm tròn, xử lý cổ

Làm tròn xuống đến hàng đơn vị để xác định

phiếu lẻ

số cổ phiếu được hưởng khi phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh do làm tròn sẽ được hủy coi như không phát hành.

Ví Dụ: Cổ đông A sở hữu 175 cổ phiếu, cổ đông A được nhận $175 \times 2,5\% = 4,38$ cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 4 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh do làm tròn sẽ được hủy coi như không phát hành

Chào bán cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, chuyển nhượng tự do
Tổng khối lượng cổ phiếu phát hành dự kiến	6.923.375 cổ phần
Giá phát hành dự kiến	10.000 đồng/cổ phiếu
Tỷ lệ phát hành	100:7,6243 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ được mua thêm 7,6243 cổ phần mới)
Nguyên tắc làm tròn	Làm tròn xuống đến hàng đơn vị để xác định số cổ phiếu được quyền mua.
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết	Số lượng cổ phiếu không được đăng ký mua hết và số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn sẽ tiếp tục được Hội đồng Quản trị quyết định phân phối lại cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách để thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 175 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được quyền mua $175 \times 7,6243\% = 13,3425$ cổ phiếu, theo nguyên tắc làm tròn xuống số cổ phần mà cổ đông A được quyền mua là 13 cổ phiếu.

7. Thời gian chào bán và phân phối

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện vào cuối Quý II – đầu Quý III/2015 và trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

sau:

STT	Công việc	Thời gian
-----	-----------	-----------

1	Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận phát hành	D
2	Công bố thông tin, Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm, và thực hiện phân phối cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu.	D+3
3	Chốt danh sách cổ đông	D+15
4	Các cổ đông thực hiện đăng ký mua, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phiếu	D+40
5	Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đăng ký mua hết	D+40
6	Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách phân bổ quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu	D+50
7		

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Dự kiến cuối Quý II – đầu Quý III/2015, chi tiết trên Thông báo phát hành ra công chúng sau khi có quyết định chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Thời gian để cổ đông đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu là 20 ngày.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại tiền mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Công ty không có quy định, cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu theo năng lực tài chính thực tế.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Số lượng cổ phần phát hành trong đợt chào bán này không bị hạn chế chuyển nhượng.

11. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (22%)

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10% đối với sản phẩm điện.
- Thuế tài nguyên: Thuế tài nguyên được tính bằng giá bán điện thương phẩm bình quân x đơn giá tính thuế x % thuế suất đối với tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện.
- Thuế Môn bài, Thuế nhà đất...

Thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán: thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Hà Nội

Số tài khoản (VND): 17901.000.000.5687

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Bổ sung vốn Điều lệ còn thiếu do Công ty chưa huy động đủ 1.000 tỷ đồng như trong Giấy phép đăng ký kinh doanh.

Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đầu tư cho Dự án thủy điện Khe Bó và công tác đầu tư xây dựng khác.

2. Phương án khả thi

2.1. DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN KHE BÓ

- **Tên công trình:** Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- **Cơ sở pháp lý của dự án:**
 - Văn bản số 1793/TTg-CN ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép đầu tư Dự án thủy điện Khe Bó, tỉnh Nghệ An.
 - Giấy chứng nhận đầu tư số 271110000015 ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện dự án đầu tư nhà máy thủy điện Khe Bó.
 - Giấy phép xây dựng số 221 GP/SXD ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Sở xây dựng tỉnh Nghệ An về cho phép xây dựng các công trình thuộc dự án Thủy điện Khe Bó tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 9348/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang xây dựng nhà máy thủy điện Khe Bó, tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An do Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư.
- Công văn số 3777/CV-EVN-KH ngày 26 tháng 7 năm 2006 của Tổng công ty điện lực Việt Nam về việc chuyển giao chủ đầu tư dự án thủy điện Khe Bó.
- Công văn số 2624/UBND-CN ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thống nhất địa điểm quy hoạch xây dựng công trình Thủy điện Khe Bó, huyện Tương Dương.
- Văn bản số 1082/TTg – CN ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc Dự án thủy điện Khe Bó.
- Văn bản số 5970/ BCN-NLKD ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp về việc Báo cáo đầu tư Dự án Thủy điện Khe Bó - tỉnh Nghệ An.
- Quyết định số 24/ QĐ-VNPD ngày 19 tháng 10 năm 2010 của Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam về việc duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó

- Nhiệm vụ công trình

Cung cấp điện cho hệ thống lưới điện Quốc gia với công suất lắp máy 100MW, điện lượng hàng năm 448.2 triệu kWh.

Kết hợp với chế độ vận hành của Nhà máy thủy điện Bản Vẽ tạo nguồn nước để tăng khả năng cấp nước và đầy mặn cho hạ lưu trong mùa kiệt.

- Địa điểm xây dựng

Công trình Thủy điện Khe Bó được xây dựng trên sông Cả, vị trí tuyến tại xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Quy mô tổng vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án đã được hội đồng quản trị phê duyệt hiệu chỉnh (lần 3) tại Quyết định số 07/QĐ-VNPD ngày 23/01/2013 với giá trị là 3.557.186,503 triệu đồng.

Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án năm 2005, phương án vốn của dự án như sau: 30% vốn tự có; 70% còn lại : vốn thiết bị mua nước ngoài vay bằng ngoại tệ với lãi suất 7%/năm, vốn cho công tác đền bù, môi trường, tái định cư, công tác gia công thiết bị trong nước vay vốn của quỹ hỗ trợ phát triển với tỷ lệ lãi vay ưu đãi là 10% lãi vay của ngân hàng trong nước, vốn còn lại vay của các ngân hàng đầu tư phát triển trong nước với lãi suất 10%/năm.

- Hiệu quả dự án (theo báo cáo nghiên cứu khả thi năm 2005)

NPV = 514,7 tỷ đồng

FIRR = 12,4%

$$B/C = 1,22$$

- Tiến độ của dự án:

Về cơ bản dự án đã được đưa vào khai thác vận hành từ tháng 5/2013. Trong năm 2015 – 2016, Công ty tập trung thi công một số hạng mục còn lại của dự án như xử lý sạt trượt vai trái Nhà máy, thi công xử lý sạt lở đường tránh ngập QL7 và các hạng mục cơ sở hạ tầng Tái định cư, hoàn tất hạng mục công xả cát, cầu trục gian máy.

2.2. XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở CBCNV BẮC BÌNH**- Cơ sở pháp lý:**

- Quyết định số 588/QĐ-VNPD ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam về việc phê duyệt hiệu chỉnh tổng mức đầu tư khu nhà ở và làm việc của CBCNV công trình nhà máy thủy điện Bắc Bình
- Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 22 tháng 01 năm 2015 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận với Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ký ngày 23 tháng 01 năm 2015 đối với khu đất thuộc dự án thủy điện Bắc Bình.

- Mục đích

Để phục vụ cho nhu cầu về nhà ở của CBCNV phục vụ cho dự án Thủy điện Bắc Bình (đã được đưa vào khai thác vận hành từ tháng 9/2009 và đã hoàn thành công tác quyết toán trong năm 2013), và nhằm nâng cao phúc lợi cho CBCNV, trong năm 2015 - 2016, Công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng Khu nhà ở CBCNV Bắc Bình tại xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- **Tổng mức đầu tư** là 25.762,906 triệu đồng (trong đó huy động tối đa từ vốn tự có, phần còn thiếu huy động từ tín dụng ngân hàng).

Chi tiết giải ngân như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị trước thuế	VAT	Giá trị sau thuế
A	Phần công trình	21.451.865	1.968.959	23.420.824
1	Chi phí xây dựng	19.270.128	1.927.018	21.197.196
2	Chi phí đền bù tái định cư	1.762.276		1.762.276
3	Chi phí khác	419.411	41.941	461.352
	<i>Chi phí tư vấn</i>	<i>419.411</i>	<i>41.941</i>	<i>461.352</i>

B	Chi phí dự phòng	2.145.186	196.896	2.342.082
	Tổng cộng	23.597.051	2.165.855	25.762.906

- Tiến độ công trình: Hiện dự án đang trong quá trình xin cấp giấy phép xây dựng.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 69.233.750.000 đồng của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ để đầu tư cho Dự án thủy điện Khe Bó và công tác đầu tư xây dựng khác phân bổ như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến	Thời gian dự kiến
1	Đầu tư dự án thủy điện Khe Bó	55.000.000.000	2015 – 2016
2	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở CBCNV Bắc Bình	14.223.750.000	2015 – 2016
	Tổng	69.223.750.000	

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn:

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư Dự án thủy điện Khe Bó và các công tác đầu tư xây dựng khác (Khu nhà ở CBCNV Bắc Bình), tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 50% (tương đương với số tiền thu được tối thiểu là 34.616.875.000 đồng). Vì vậy, trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của Ngân hàng...

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN

❖ Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt nam

Điện thoại: 04.38241190

Fax: 04.38253973

Email: <http://www.aasc.com.vn>

❖ Tổ chức tư vấn



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 04.7737 070

Fax: 04.7739 058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ben Thanh Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.2852 525

Fax: 08.9255 246

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng của Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) tham gia lập và công bố trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 18-2015/FPTS/FCF-HN/VNPD ngày 13/05/2015 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam cung cấp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty



3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2013, 2014, Báo cáo tài chính Quý I/2015

4. Phụ lục V: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS



Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2015

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hồ Quang Hải

Nguyễn Tùng Phương

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hạnh